TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 303/2018/HNGĐ-ST Ngày: 03-7-2018 V/v ly hôn giữa chị T và anh D	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Loan

Ông Nguyễn Văn Quỹ

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 559/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-5-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Tổ 17, phường V, quận H, thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1955; hộ khẩu thường trú: Số nhà 15 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 11-12-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1999 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong suộc sống và cách làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mỗi

người sống một nơi không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Chí D, sinh năm 1993 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 18-9-2000. Hiện tại hai con đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn con Nguyễn Chí D đã trưởng thành, có khả năng lao động được cháu ở với ai là tùy cháu, chị có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Xuân P và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-3-2018 bị đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị T chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 1999 anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Trong cuộc sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống kinh tế khó khăn, vợ chồng có nhiều vay nợ nên vợ chồng cần có thời gian dài để giải quyết. Nay chị T có nguyện vọng ly hôn, anh chưa đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Chí D, sinh năm 1993 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 18-9-2000. Nếu ly hôn, anh để các con tự quyết định.

Về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 14-5-2018 xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, kinh doanh không hiệu quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng có hai con chung con lớn sinh năm 1993 và con nhỏ sinh năm 2000.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Xuân D. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét chị T có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, cháu Phát cũng có nguyện vọng được ở với chị T nếu bố mẹ ly hôn vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con Nguyễn Xuân P, sinh ngày 18-9-2000 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Xuân D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và vay nợ chung hai bên xác định không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N năm 1999 nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng ly hôn, anh D không nhất trí ly hôn vì vợ chồng còn nhiều vướng mắc về kinh tế. Toà án thông báo hợp lệ hai lần phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh D vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh D không có thiện chí hoà giải đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị T và anh D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Con Nguyễn Chí D (giới tính: Nam), sinh năm 1993 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, chị T và anh D đều không yêu cầu gì do đó Hội đồng không xem xét giải quyết. Chị T có nguyện vọng được nuôi con nhỏ Nguyễn Xuân P (giới tính: Nam), sinh ngày 18-9-2000 còn quan điểm của anh D tôn trọng nguyện vọng của con. Hiện nay cháu P đang sinh sống ổn định cùng chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ giao con Nguyễn Xuân P (giới tính: Nam), sinh ngày 18-9-2000 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Xuân D.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Xuân P (giới tính: Nam), sinh ngày 18-9-2000 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Xuân D cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Phan Thị T đã nộp tại biên lai số 0000777 ngày 18-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Chị Phan Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- UBND phường Trần Hưng Đạo
- VKSND thành phố Nam Định
- THA Dân sự thành phố Nam Định
- TAND tỉnh Nam Định
- VKSND tỉnh Nam Định
- Hồ sơ vụ án
- Lưu VP

Tống Thị Kim Phượng